TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1013/2020/DS-ST
Ngày: 16-7-2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Huỳnh Tú
Các *Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Nguyễn Đình Cương
2. Bà Đoàn Thị Thanh Thủy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2016/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2016 về "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2561/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 6418/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huang Chiu Y , sinh năm 1955
Địa chỉ: Đường V, xã Q, huyện Đ, Đài Loan.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1983
Địa chỉ: Đường A, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vản bản ủy quyền lập ngày 20/8/2012). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Cam Lệ B, sinh năm 1968
Địa chỉ: Đường N, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ khác: Đường Q, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ khác: Đường B, Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ khác: Đường Q, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Ông Lee Tzai C1, sinh năm 1951
Địa chỉ: Đường V, xã Q, huyện Đ, Đài Loan. (Có đơn yêu cầu vắng mặt)
3.2. Ông Wu Ching C2, sinh năm 1951
Địa chỉ: Đường N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ khác: Đường Q, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ khác: Đường B, Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ khác: Đường Q, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/9/2012, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Chồng của bị đơn là ông Wu Ching C2 và chồng của nguyên đơn ông Lee Tzai C1 là bạn bè quen biết nhau ở Đài Loan từ năm 2005. Ông C1 qua Việt Nam từ năm 2006 quen biết với ông C2 đã qua Việt Nam trước đó.

Khoảng năm 2011, ông C2 và ông C1 góp vốn thành lập Công ty TNHH H tại địa chỉ: 1/64A Quốc lộ 1A, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với vốn đầu tư 1.500.000.000 đồng (Một tỉ năm trăm triệu đồng), mỗi người góp 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Số tiền 750.000.000 đồng do tiền lương ông C1 làm chủ quản công ty gỗ ở Bình Dương, Việt Nam là 60.000.000 đồng/tháng và dành dụm đưa trực tiếp cho vợ chồng bà B bằng tiền mặt để góp vốn. Ngoài ra ông C1 còn đưa thêm 10.000USD cho vợ chồng bà B, tuy nhiên không có giấy tờ chứng minh. Hai bên thống nhất giao cho bà Cam Lệ B làm giám đốc. Theo Hợp đồng cổ phần, bà Gan Li Ping là Cam Lệ B.

Do vợ chồng ông C2 và bà B không đủ tiền góp vốn nên hỏi mượn vợ ông C1 là bà Huang Chiu Y. Do tin tưởng qua sự quen biết giữa hai người chồng nên bà Y chuyển tiền cho bà B mượn thông qua tài khoản của bà Cam Lệ B để cho bà B vay.

Tính từ ngày 02/03/2011 đến ngày 30/6/2011, bà Y đã chuyển tiền 03 lần cho bà B với tổng số tiền là 33.543,49 USD thông qua Ngân hàng Mega, đều có giấy chuyển tiền của Ngân hàng; Cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 02/3/2011, bà Y chuyển 18.543,49 USD cho bà B thông qua Ngân hàng Mega.

Lần thứ hai vào ngày 11/4/2011, bà Y chuyển 7.500 USD cho bà B thông qua Ngân hàng Mega.

Lần thứ ba vào ngày 30/6/2011, bà Y chuyển 7.500 USD cho bà B thông qua Ngân hàng Mega.

Sau đó, ngân hàng Mega đã có xác nhận ngày 18/12/2013 với nội dung bà B đã tới Ngân hàng nhận số tiền trên.

Sau đó, bà B đã nhiều lần đề nghị bà Y góp số tiền đã cho họ mượn trên vào Công ty TNHH Nhựa H nhưng bà Y không đồng ý và nhiều lần bà Y yêu cầu bà B hoàn trả số tiền đã cho mượn nhưng bị đơn không thực hiện.

Tiền góp vốn thành lập công ty 750.000.000 đồng do ông C1 góp vốn không phải từ nguồn tiền 33.543,49 USD bà Y chuyển cho bà B mượn, mà là từ tiền lương của ông C1 làm chủ quản công ty gỗ ở Bình Dương, Việt Nam là 60.000.000 đồng/tháng và dành dụm để góp vốn.

Số tiền 33.543,49 USD bà Y chuyển cho bà B mượn là tiền riêng của bà Y, không liên quan đến ông C1, không phải tài sản chung của hai vợ chồng,

không liên quan đến số tiền hùn vốn công ty trước đó.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Cam Lệ B trả số tiền đồng Việt Nam tương đương 33.543,49 USD, quy đổi theo thời giá tại thời điểm xét xử.

Bị đơn bà Cam Lệ B tự khai ngày 19/12/2012 và trình bày tại Tòa ngày 26/12/2013, ngày 13/6/2013, ngày 20/6/2013 như sau:

Khoảng tháng 3/2011, ông Lee Tzai C1 (chồng của bà Huang Chiu Y) cùng thỏa thuận với ông Wu Ching C2 (chồng của bà Cam Lệ B) góp vốn làm nhựa; Tổng số tiền góp vốn là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, mỗi người một nửa. Sau đó, ông Lee Tzai C1 yêu cầu bà B đưa số tài khoản cá nhân của bà B để vợ ông C1 (bà Y) gửi tiền từ Đài Loan về Việt Nam cho bà B nhận, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Mega; Tổng số tiền nhận là 33.543,49 USD. Quy ra tiền Việt Nam chưa đủ 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Ông C1 đi cùng bà B đến Ngân hàng để khi bà B nhận tiền xong thì đưa lại cho ông C1. Bà B không hề quen biết bà Y. Do đó, không có việc cho mượn tiền.

Ông Lee Tzai C1 và ông Wu Ching C2 có nhờ bà B đứng tên chủ công ty kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ Hồng Hải, sau đó chuyển tên là công ty Nam Á. Khi mua máy móc ông C1 và ông C2 trực tiếp trả tiền; Bà chỉ đứng tên cơ sở Hồng Hải, ông C1 và ông C2 có thỏa thuận cho bà 02 cổ phần, mỗi tháng trả thêm cho bà 10.000.000 (mười triệu) đồng. Sau khi mua máy móc thiết bị, cơ sở hoạt động được khoảng 08 tháng thì tạm ngừng hoạt động do kinh tế khó khăn, không có thị trường tiêu thụ. Lúc đó, ông C1 kiếm cớ đòi trả tiền đầu tư là 33.543,49 USD. Tuy nhiên, khoảng tiền đầu tư góp vốn ban đầu đã chi thuê nhà xưởng, mua máy móc, thiết bị. Đó là lý do bà Y kiện đòi bà B trả tiền.

Quá trình đòi tiền, ông Lee Tzai C1 nhiều lần cho người hăm dọa, uy hiếp vợ chồng bà B.

Khoảng sau ngày 02/4/2012 bà B có nhận một tờ giấy từ văn phòng Luật sư Hải Hà, yêu cầu bà B hoàn trả tiền cho ông C1 và bà Y, cộng thêm khoản tiền 10.000 (mười ngàn) USD, không biết là tiền gì và cũng không có chứng từ. Đây là sự vu khống.

Do đó, bà B không đồng ý trả cho bà Y số tiền Việt Nam đồng tương đương 33.543,49 USD (ba mươi ba ngàn năm trăm bốn mươi ba đô la mỹ bốn mươi chín cent) vì bà B không mượn tiền của bà Y.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà B hoàn trả số tiền trên thì bà chỉ đồng ý trả 50% số tiền do bà Y yêu cầu, gọi là chia sẻ trách nhiệm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Wu Ching C2 trình bày:

Ông là chồng của bà Cam Lệ B, thực tế không có quan hệ vay mượn tiền giữa bà B với bà Huang Chiu Y. Ông và ông C1 thỏa thuận ký kết hợp đồng góp vốn thành lập Công ty nhựa H do bà B đứng tên, số tiền góp vốn là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, mỗi người góp 50% cổ phần.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền trên là không đúng nên ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lee Tzai C1 trình bày:

Ông với ông Wu Ching C2 (chồng bà Cam Lệ B) là bạn bè quen biết nhau ở Đài Loan từ năm 2005. Ông C1 qua Việt Nam từ năm 2006 quen biết với ông Zhang đã qua Việt Nam trước đó.

Khoảng năm 2011, ông C2 và ông C1 góp vốn thành lập Công ty TNHH Nhựa Hồng Hải tại địa chỉ: 1/64A, Quốc lộ 1A, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh với vốn đầu tư 1.500.000.000 đồng, mỗi người góp 750.000.000 đồng. Số tiền 750.000.000 đồng do tiền lương ông C1 làm chủ quản công ty gỗ ở Bình Dương, Việt Nam là 60.000.000 đồng/tháng và dành dụm đưa trực tiếp cho vợ chồng bà B bằng tiền mặt để góp vốn. Ngoài ra ông C1 còn đưa thêm 10.000USD cho vợ chồng bà B, tuy nhiên không có giấy tờ chứng minh. Hai bên thống nhất giao cho bà Cam Lệ B làm giám đốc. Theo Hợp đồng cổ đông, bà Gan Li Ping là Cam Lệ B.

Khoảng 08 tháng sau ông C1 bị hai vợ chồng ông C2, bà B đuổi khỏi Công ty, tiền vốn và tiền lãi phát sinh từ hoạt động công ty Nhựa Hồng Hải ông C1 cũng chưa được nhận bất cứ khoảng nào.

Ông C1 có biết về việc bà Y cho bà B mượn tiền, do vợ bà Y kể lại, ông C1 không có ý kiến gì do nghĩ giữa ông C1 và ông C2 có quen biết. Bà Y và bà B tự trao đổi với nhau qua điện thoại, bà B cung cấp cho bà Y qua điện thoại số tài khoản, số chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân để bà Y chuyển tiền qua cho bà B mượn.

Tiền góp vốn thành lập công ty 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng do ông C1 góp vốn không phải từ nguồn tiền 33.543,49 USD bà Y chuyển cho bà B mượn, mà là từ tiền lương của ông C1 làm chủ quản công ty gỗ ở Bình Dương, Việt Nam là 60.000.000 đồng/tháng và dành dụm để góp vốn, chứ không phải tiền Đô la Mỹ mà ông C1 mang từ Đài Loan qua để góp vốn. Tại tòa phúc thẩm ngày 13/6/2016, Hội đồng xét xử Toà án cấp cao hỏi, ông C1 xác nhận mang tiền USD từ Đài Loan qua Việt Nam để sử dụng cho sinh hoạt cá nhân, số tiền này ông C1 không dùng để góp vốn thành lập công ty.

Số tiền 33.543,49 USD bà Y chuyển cho bà B mượn là tiền riêng của bà Y, không liên quan đến ông C1, không phải tài sản chung của hai vợ chồng, không liên quan đến số tiền ông C1 hùn vốn công ty trước đó.

Ông thống nhất với ý kiến nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Cam Lệ B hoàn trả cho bà Huang Chiu Y tổng số tiền 33.543,49 USD quy đổi thành tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xủ sơ thẩm. Ông C1 không liên quan đến vụ án nên xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi xét xử và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo nội dung bài phát biểu tại phiên tòa; Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2] Nguyên đơn bà Huang Chiu Y khởi kiện tranh chấp đòi bị đơn bà Cam Lệ B trả số tiền 33.543,49 USD trên cơ sở các phiếu nhận tiền tại Ngân hàng. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự "Đòi lại tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Nguyên đơn cư trú ở nước ngoài (Đài Loan), bị đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về việc xét xử vắng mặt:

[5] Sau khi Tòa án Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm ngày 13/6/2016 với nội dung hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 1495/2014/DSST ngày 26/12/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý giải quyết và tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Wu Ching C2) đến Tòa án để trình bày ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối chất, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng các đương sự vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lee Tzai C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[7] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[8] Về quan hệ vay mượn: Tại các phiếu chuyển tiền qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Mega (có xác nhận của Chi nhánh Ngân hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh) thì từ ngày 02/03/2011 đến ngày 01/7/2011, bà Huang Chiu Y đã chuyển tiền từ Đài Loan về Thành phố Hồ Chí Minh cho Cam Lệ B 03 lần với tổng số tiền là 33.543,49 USD; Cụ thể:

Ngày chuyển tiền	Mã số	Người chuyển	Người nhận	Số tiền (USD)
02/3/2011	AADDKTS10000227	Huang Chiu Y	Cam Lệ B	18.543,49
11/4/2011	AADDKTS10000366	Huang Chiu Y	Cam Lệ B	7.500,00
01/7/2011	AADDKTS10000637	Huang Chiu Y	Cam Lệ B	7.500,00

Tên và mã phân loại chuyển tiền: Vốn cho vay đối ngoại.

Quá trình giải quyết vụ án bà B thừa nhận có nhận số tiền 33.543,49 USD do bà Y chuyển thông qua Ngân hàng Mega, các đương sự cũng xác nhận có quan hệ hợp tác đầu tư giữa ông Lee Tzai C1 (chồng bà Y) và ông Wu Ching C2

(chồng bà B) theo hợp đồng cổ đông có hiệu lực từ ngày 01/4/2011, ông Wu Ching C2 và ông Lee Tzai C1 là bạn bè quen biết nhau ở Đài Loan từ năm 2005. Như vậy, tuy không quen biết nhau nhưng thông qua ông C1 (chồng bà Y) và ông C2 (chồng bà B) thì việc bà Y cho bà B vay mượn tiền là lẽ bình thường.

[9] Bà B cho rằng sau khi nhận tiền của bà Y từ Ngân hàng Mega, bà đã đã rút toàn bộ và giao trực tiếp cho ông Lee Tzai C1 (chồng bà Y) và ông Wu Ching C2 (chồng bà) nhưng không làm biên nhận, ông C1 không thừa nhận đã nhận số tiền trên từ bà Y. Do đó, lời trình bày của bà B không có cơ sở.

[10] Theo hợp đồng cổ đông giữa ông Lee Tzai C1 và ông Wu Ching C2 có hiệu lực từ ngày 01/4/2011 với nội dung: Góp vốn đầu tư thành lập Công ty TNHH nhựa Hồng Hải với số tiền đầu tư là 1.500.000.000 đồng mỗi bên 50% và giao cho bà Cam Lệ B làm giám đốc công ty, quản lý công ty, đứng tên giấy phép công ty, hưởng tiền lợi nhuận từ công ty và không phải chịu trách nhiệm lỗ vốn của công ty. Thực tế, Công ty H đã thành lập và đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông Lee Tzai C1 và ông Wu Ching C2 góp vốn thành lập công ty Hồng Hải là có thật. Tuy nhiên, biên bản góp vốn này không thể hiện nội dung liên quan đến việc chuyển tiền của bà Y cho bà B, ông Lee Tzai C1 xác nhận đã thực hiện xong việc góp vốn bằng tiền tiền lương của mình khi làm chủ quản công ty gỗ ở Bình Dương. Để điều tra làm rõ số tiền góp vốn của ông Lee Tzai C1 (750.000.000 đồng tương đương với ½ vốn đăng ký) từ nguồn tiền nào, số tiền 33.543,49 USD bà Y (vợ ông Lee Tzai C1) chuyển cho bà B (vợ ông Wu Ching C2) có phải là số tiền ông Lee Tzai C1 góp vốn cùng ông Wu Ching C2 để thành lập Công ty TNHH H hay không? Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập bà Cam Lệ B, ông Wu Ching C2 đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối chất, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà B, ông Wu Ching C2 không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy; bà B, ông Wu Ching C2 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó; Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do bà Huang Chiu Y cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[11] Xét nguồn tiền của bà Y chuyển cho bà B, xuất phát từ thu nhập của bà Y, bà Y sinh sống tại Đài Loan, làm gia công móc khóa, thu nhập 35.000 đài tệ/tháng. Ông C1 (chồng bà Y) khẳng định khoản tiền 33.543,49 USD mà bà Y đã chuyển cho bà B không liên quan gì đến số tiền ông Lee Tzai C1 góp vốn cùng ông Wu Ching C2 để thành lập Công ty TNHH H, khoản tiền góp vốn thành lập công ty 750.000.000 do ông C1 góp vốn là từ tiền lương của ông C1 làm chủ quản công ty gỗ ở Bình Dương, Việt Nam là 60.000.000 đồng/tháng và dành dụm để góp vốn, chứ không phải tiền Đô la Mỹ mà ông C1 mang từ Đài Loan qua để góp vốn. Do đó, có đủ cơ sở xác định số tiền 33.543,49 USD mà bà Y cho bà B vay không liên quan đến không liên quan gì đến số tiền ông Lee Tzai C1 góp vốn cùng ông Wu Ching C2 để thành lập Công ty TNHH H và bà Y

có quyền đòi lại số tiền đã cho bà B vay mượn theo quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005.

[12] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp về việc "Đòi lại tài sản" và buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn 33.543,49 USD quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xét xử: 33.543,49 USD x 23.070 đồng/USD = 773.848.314 đồng Việt Nam.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 34.953.933 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huang Chiu Y.

Bà Cam Lệ B có trách nhiệm trả cho bà Huang Chiu Y số tiền 773.848.314 (Bảy trăm bảy mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn ba trăm mười bốn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Huang Chiu Y cho đến khi thi hành án xong, bà Cam Lệ B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cam Lệ B chịu 34.953.933 (ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi ba ngàn chín trăm ba mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho bà Huang Chiu Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.954.092 (mười lăm triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn không trăm chín mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 04249 ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lại Huỳnh Tú